

DANH SÁCH SINH VIÊN BẠC ĐẠI HỌC KHÓA 2022, 2023, 2024 NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024 - 2025 (CHÍNH THỨC)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24- 25)	XL HT (HK1/24- 25)	XL ĐRL (HK1/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
1	22110049	Đỗ Tiền Hải	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
2	22110075	Lê Đăng Phan Huy	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
3	22110113	Nguyễn Minh Mẫn	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
4	22110182	Bùi Huỳnh Xuân Quyển	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
5	22110193	Nguyễn Thị Phương Tâm	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
6	22110200	Dương Thị Thắm	9,61	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
7	22110228	Đào Trọng Toàn	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
8	22110231	Dương Hoàng Ngọc Trâm	9,83	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
9	22110263	Trần Lê Hữu Vinh	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
10	22120060	Trương Tiến Đạt	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
11	22120160	Bùi Lê Anh Khoa	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
12	22120186	Huỳnh Tấn Lộc	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
13	22120201	Huỳnh Mẫn	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
14	22120213	Đoàn Thị Minh Anh	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
15	22120238	Nguyễn Minh Nguyên	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
16	22120248	Nguyễn Trọng Nhân	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
17	22120256	Ma Thanh Nhi	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
18	22120263	Nguyễn Thành Phát	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
19	22120280	Phan Hồng Phúc	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
20	22120301	Nguyễn Trung Quốc	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
21	22120368	Phan Thanh Tiến	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
22	22120383	Nguyễn Đăng Trí	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
23	22120406	Võ Anh Tuấn	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
24	22120416	Huỳnh Thị Kim Tuyền	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
25	22120426	Tăng Thị Vân	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
26	22120445	Lê Quốc Vương	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24- 25)	XL HT (HK1/24- 25)	XL ĐRL (HK1/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
27	22130008	Trần Ngọc Anh	9,03	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
28	22130029	Nguyễn Hải Đăng	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
29	22130046	Phạm Nguyễn Thanh Giàu	9,35	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
30	22130110	Đặng Phạm Kim Ngân	8,62	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
31	22130134	Lâm Tâm Như	8,81	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
32	22130143	Võ Minh Phước	8,82	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
33	22130155	Hoàng Chí Sĩ	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Vật lý học
34	22130103	Trần Nguyễn Anh Minh	8,76	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
35	22140003	Ngô Quốc An	8,48	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
36	22140063	Bùi Đức Hiếu	8,61	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
37	22140102	Thái Minh Lập	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
38	22140131	Trần Minh Ngọc	8,65	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
39	22140161	Trần Minh Phúc	8,55	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
40	22140174	Trần Ngọc Quang Sang	8,49	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
41	22140186	Trần Nghiêm Thành	8,62	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
42	22140205	Đào Khánh Thuận	8,78	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
43	22140232	Dương Mạnh Tường	8,65	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
44	22150014	Tổng Hà Mai Anh	8,3	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
45	22150020	Trần Chí Bảo	8,88	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
46	22150060	Trương Quỳnh Lan	8,61	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
47	22150105	Nguyễn Minh Thành	8,77	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
48	22160015	Nguyễn Trần Trọng	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Địa chất học
49	22170050	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
50	22170053	Ngô Phương Phương	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
51	22170059	Võ Thị Hồng Thắm	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
52	22180002	Nguyễn Cao Hoài An	9,24	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
53	22180017	Trần Ngọc Anh	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
54	22180032	Nguyễn Đặng Chí Cường	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
55	22180123	Phan Vũ Gia Nghi	9,02	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
56	22180124	Võ Hà Phương Nghi	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24- 25)	XL HT (HK1/24- 25)	XL ĐRL (HK1/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
57	22180149	Phan Thanh Phú	9,16	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
58	22180222	Ngô Thảo Uyên	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
59	22180229	Nguyễn Quang Vinh	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
60	22190001	Võ Thúy An	8,66	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
61	22190025	Nguyễn Hạnh Bảo Hân	8,71	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
62	22190038	Ngô Vũ Lê Khoa	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
63	22190078	Lý Ngọc Thắm	8,44	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
64	22200063	Phạm Trọng Hoàng	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
65	22200084	Đặng Đình Khôi	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
66	22200104	Võ Ngô Anh Minh	9,71	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
67	22200155	Nguyễn Huyền Thoại	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
68	22200160	Nguyễn Thuỷ Tiên	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
69	22200183	Nguyễn Quốc Việt	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
70	22210009	Nguyễn Thị Ngân	8,23	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Hải dương học
71	22220012	Võ Hoàng Duy	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
72	22220029	Tô Hoàng Phương Nghi	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
73	22220039	Trần Huy Nhơn	9,59	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
74	22230041	Nguyễn Văn Thiêm	9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Kỹ thuật hạt nhân
75	22250043	Trần Quốc Sơn	8,76	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
76	22250049	Nguyễn Hoàng Thơ	8,84	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
77	22260001	Lê Tuấn Anh	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.360.000	5	16.800.000	Vật lý Y khoa
78	22260037	Nguyễn Minh Thành	9,35	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.080.000	5	15.400.000	Vật lý Y khoa
79	22270004	Trần Lệ Yến Chi	9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Kỹ thuật địa chất
80	22280040	Trần Gia Huy	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
81	22280066	Nguyễn Lê Lâm Phúc	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
82	22280082	Phạm Minh Thái	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
83	22280097	Mai Thị Hồng Trinh	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
84	22290022	Phạm Thị Nhị	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
85	22290026	Lữ Thị Như Quỳnh	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
86	23110019	Nguyễn Đỗ Gia Huy	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24- 25)	XL HT (HK1/24- 25)	XL ĐRL (HK1/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
87	23110020	Nguyễn Nhật Huy	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
88	23110025	Nguyễn Thái Đăng Khoa	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
89	23110038	Nguyễn Trọng Phú	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
90	23110090	Lê Gia Khiêm	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
91	23110117	Lê Công Toàn	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
92	23110126	Nguyễn Hoàng Vũ Nguyên	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
93	23110183	Đỗ Lê Tuyết Ly	9,59	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
94	23120022	Hoàng Gia Bảo	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
95	23120023	Nguyễn Thái Bảo	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
96	23120068	Lê Nguyễn Minh Nhật	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
97	23120075	Trần Đức Quân	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
98	23120082	Tôn Huỳnh Tấn Sang	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
99	23120085	Nguyễn Quốc Thắng	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
100	23120088	Cao Tiến Thành	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
101	23120181	Lê Văn Trường	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
102	23120197	Trà Văn Sỹ	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
103	23120199	Huỳnh Đức Thịnh	9,14	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
104	23120200	Nguyễn Hưng Thịnh	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
105	23120252	Nguyễn Phúc Hậu	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
106	23120349	Nguyễn Phúc Định Quyền	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
107	23120359	Trần Đình Thi	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
108	23120371	Lê Trung Tín	9,17	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
109	23120386	Phan Khắc Trường	9,17	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
110	23122019	Phan Huỳnh Châu Thịnh	9,14	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Trí tuệ nhân tạo
111	23122031	Nguyễn Huy Hoàng	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Trí tuệ nhân tạo
112	23130025	Nguyễn Thị Mai Linh	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
113	23130036	Phạm Thị Hồng Nhung	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
114	23130040	Nguyễn Trọng Quang	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
115	23130104	Nguyễn Thành Đạt	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
116	23130106	Diệp Thiên Du	8,97	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24- 25)	XL HT (HK1/24- 25)	XL ĐRL (HK1/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
117	23130119	Nguyễn Minh Hải	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
118	23130137	Võ Hoàng Khang	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
119	23130187	Trần Lê Yến Nhi	8,97	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
120	23130219	Nguyễn Hoàng Siêu	9,01	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
121	23137010	Nguyễn Đức Anh Khoa	8,46	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
122	23130024	Trần Ngô Tuấn Khoa	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
123	23130030	Trần Thị Cẩm Ly	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
124	23140001	Phạm Từ Khánh Hưng	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
125	23140003	Vũ Văn Hoàng	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
126	23140008	Nguyễn Thanh Danh	8,78	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
127	23140023	Nguyễn Phạm Minh Trí	8,84	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
128	23140035	Nghi Bích Hoàng	8,78	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
129	23140036	Phạm Đáng Nguyên Khôi	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
130	23140123	Nguyễn Phan Thanh Lam	8,67	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
131	23140137	Đinh Thị Ly Ly	8,72	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
132	23140182	Trần Anh Quân	8,64	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
133	23150004	Hồ Nguyễn Trâm Anh	8,26	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
134	23150009	Nguyễn Phương Dung	8,59	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
135	23150036	Lê Ngọc Minh Thư	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
136	23150051	Vũ Phi Long	8,65	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
137	23150061	Nguyễn Hải Anh	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
138	23150065	Trương Nguyễn Ngọc Ánh	8,26	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
139	23150162	Trần Bích Ngọc Phượng	8,25	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
140	23160007	Nguyễn Lê Thảo Tiên	8,72	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Địa chất học
141	23170002	Nguyễn Hà Nhật Anh	8,97	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
142	23170008	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
143	23170049	Tạ Thị Như Mai	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
144	23170072	Nguyễn Trần Mai Quỳnh	8,71	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
145	23170074	Hồ Thị Thảo Tâm	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
146	23180001	Trần Thị Mỹ Tâm	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24- 25)	XL HT (HK1/24- 25)	XL ĐRL (HK1/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
147	23180020	Nguyễn Thị Thu Nữ	8,61	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
148	23180029	Huỳnh Thanh Tuyền	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
149	23180037	Trần Thị Việt Hà	8,62	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
150	23180042	Nguyễn Văn Khoa	8,71	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
151	23180097	Phan Thị Thu Hằng	8,8	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
152	23180147	Lâm Phụng Nhi	8,61	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
153	23180198	Đặng Thị Hà Trang	8,92	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
154	23180206	Trần Diễm Uyên	8,72	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
155	23190005	Nguyễn Ngọc Bảo Khánh	8,88	Giỏi	Khá	Khá	3.040.000	5	15.200.000	Khoa học vật liệu
156	23190079	Nguyễn Thị Thùy Nguyên	8,02	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
157	23190122	Phạm Thị Xuân Uyên	8,49	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
158	23197004	Nguyễn Phước Huy Long	8,99	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
159	23200015	Hồ Quốc Huy	9,55	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
160	23200044	Trần Đình Khâm	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
161	23200131	Trương Lê Ngọc Quyền	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
162	23200141	Đỗ Mỹ Thắm	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
163	23200147	Lê Minh Trí Thiện	9,5	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
164	23210011	Cao Mạnh Nhất	8,43	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Hải dương học
165	23210025	Hà Thị Kim Huy	7,66	Khá	Tốt	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Hải dương học
166	23220001	Lê Từ Mỹ	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
167	23220067	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,45	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
168	23230007	Mai Thanh Phúc	8,64	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Kỹ thuật hạt nhân
169	23230011	Lê Hoàng Phúc	8,87	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Kỹ thuật hạt nhân
170	23250013	Lê Thị Ngọc Ánh	8,68	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
171	23250028	Nguyễn Hoàng Vĩnh Khang	8,58	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
172	23250032	Trần Hoàng Khôi	8,75	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
173	23260002	Nguyễn Ngọc Phương Dung	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.360.000	5	16.800.000	Vật lý Y khoa
174	23260018	Cao Minh Khôi	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.360.000	5	16.800.000	Vật lý Y khoa
175	23260051	Nguyễn Duy Anh Tuấn	8,94	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.080.000	5	15.400.000	Vật lý Y khoa
176	23270006	Phạm Đặng Nhựt Khiêm	7,21	Khá	Xuất sắc	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Kỹ thuật địa chất

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24- 25)	XL HT (HK1/24- 25)	XL ĐRL (HK1/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
177	23280003	Nguyễn Thị Hoàng Vi	9,59	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
178	23280007	Nguyễn Quang Lập	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
179	23280015	Nguyễn Triều Dương	9,74	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
180	23280019	Nguyễn Hồng Thảo Minh	9,61	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
181	23290002	Nguyễn Lê Chánh	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
182	23290046	Trương Nguyễn Yến Nhi	8,3	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
183	23290075	Trần Minh Tiền	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
184	23290092	Dương Trúc Vy	8,31	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
185	24110032	Ngô Hoàng Lực	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
186	24110036	Nguyễn Hoàng My	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
187	24110088	Bùi Quang Khôi	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
188	24110091	Nguyễn Tiến Long	9,31	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
189	24110157	Huỳnh Ngọc Như Hào	9,35	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
190	24110207	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
191	24110210	Đỗ Như Nhân	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
192	24110230	Trương Giang Minh Quang	9,27	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
193	24110244	Nguyễn Anh Thiện	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
194	24110245	Đỗ Hoàng Thịnh	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
195	24120016	Nguyễn Đình Lê Vũ	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
196	24120022	Hà Văn Thiên Bảo	9,83	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
197	24120059	Trần Kim Hữu	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
198	24120071	Phan Thị Ngọc Khanh	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
199	24120072	Lê Công Anh Khoa	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
200	24120107	Phạm Phúc Nguyên	9,93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
201	24120121	Lê Quý Phúc	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
202	24120166	Võ Nhất Bảo	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
203	24120170	Phạm Gia Bảo	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
204	24120182	Phạm Lê Huy Hoàng	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
205	24120214	Nguyễn Ngọc Phúc	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
206	24120228	Phan Ngọc Thúc	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24- 25)	XL HT (HK1/24- 25)	XL ĐRL (HK1/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
207	24120234	Võ Đình Trường	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
208	24120334	Hoàng Khang	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
209	24120359	Trần Tuấn Kiệt	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
210	24120402	Trần Thành Nhân	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
211	24120423	Đỗ Ngọc Tường Quyên	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
212	24120504	Nguyễn Danh Phương	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
213	24120505	Ngô Nguyễn Đông Quân	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
214	24122004	Võ Lê Gia Huy	9,85	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Trí tuệ nhân tạo
215	24122016	Quách Lê Nhật Huy	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Trí tuệ nhân tạo
216	24130018	Lê Hữu Hoàng	9,13	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
217	24130055	Phạm Hoàng Nam	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
218	24130089	Trương Quang Vinh	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
219	24130159	Trần Thanh Đức	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
220	24130162	Trần Trí Dũng	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
221	24130176	Nguyễn Thanh Hiền	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
222	24130221	Lê Duy Nhật Nam	8,77	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
223	24130230	Nguyễn Thành Nhân	8,78	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
224	24130006	Nguyễn Tiến Đạt	8,73	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
225	24130063	Phan Thiên Phúc	8,72	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
226	24130179	Ngô Quang Hiệp	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
227	24130095	Ôn Gia Bảo	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ bán dẫn
228	24130100	Phạm Xuân Hải	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ bán dẫn
229	24140001	Thân Tú Đan	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
230	24140002	Nguyễn Đức Hiền	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
231	24140003	Nguyễn Lê Huy Hoàng	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
232	24140004	Thái Hoàng Tiến	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
233	24140005	Lê Anh Trung	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
234	24140007	Đào Trọng Nhân	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
235	24140013	Võ Đình Dương	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
236	24140157	Lê Minh Luân	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24- 25)	XL HT (HK1/24- 25)	XL ĐRL (HK1/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
237	24140189	Nguyễn Đức Phú	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
238	24150028	Lê Chí Huyền	8,28	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
239	24150075	Nguyễn Như Quỳnh	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
240	24150110	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	8,39	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
241	24150119	Nguyễn Hoàn Tuyết Nhi	8,62	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
242	24150121	Nguyễn Huỳnh Quốc Thanh	8,72	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
243	24150178	Lê Thanh Ngọc	8,29	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
244	24150184	Trần Thị Thanh Nhân	9,05	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
245	24150189	Lê Đặng Hoàng Oanh	9,05	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
246	24150203	Nguyễn Thị Phương Thảo	8,63	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
247	24160037	Huỳnh Tiến Thanh	8,68	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Địa chất học
248	24170001	Nguyễn Đức Anh	8,53	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
249	24170004	Nguyễn Khánh Đan	8,84	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
250	24170008	Nguyễn Quỳnh Hoa	8,17	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
251	24170045	Nguyễn Gia Bảo	8,27	Giỏi	Khá	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Khoa học môi trường
252	24170068	Nguyễn Văn Hậu	8,53	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
253	24170094	Lê Nguyễn Gia Lâm	8,38	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
254	24170156	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	8,39	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
255	24180001	Huỳnh Minh Khôi	9,21	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
256	24180002	Lê Hoàng Trung	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
257	24180003	Phan Nhật Trường	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
258	24180039	Phạm Đặng Hoàng Trân	9,59	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
259	24180059	Nguyễn Nhã Phụng	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
260	24180104	Võ Quang Hiến	9,18	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
261	24180118	Nguyễn Huỳnh Khang	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
262	24180157	Lê Trọng Phúc	9,04	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
263	24190034	Vương Huỳnh Minh Phương	8,56	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
264	24190079	Nguyễn Trương Hoàng Khương	8,29	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
265	24190091	Nguyễn Thị Cẩm Ly	8,36	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
266	24190139	Lê Thị Huyền Thương	8,42	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24- 25)	XL HT (HK1/24- 25)	XL ĐRL (HK1/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
267	24190150	Nguyễn Xuân Trường	8,09	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
268	24190157	Võ Hoàng Vũ	8,23	Giỏi	Khá	Khá	3.040.000	5	15.200.000	Khoa học vật liệu
269	24200047	Lưu Gia Bảo	8,89	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
270	24200149	Đoàn Thanh Phúc	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
271	24200150	Lưu Hữu Phước	8,92	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
272	24200185	Lê Mạnh Thanh Thùy	8,76	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
273	24200187	Nguyễn Thị Kim Trân	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
274	24200087	Huỳnh Ngọc Huy	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Thiết kế vi mạch
275	24200188	Hoàng Cao Trí	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Thiết kế vi mạch
276	24210017	Võ Thành Hiếu	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Hải dương học
277	24210020	Trần Đức Anh	8,48	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Hải dương học
278	24210023	Trần Đình Dân	7,96	Khá	Tốt	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Hải dương học
279	24220014	Nguyễn Thị Thu Uyên	8,28	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
280	24220017	Đỗ Thị Tường Vy	8,58	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
281	24220078	Đinh Trọng Nghĩa	8,11	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
282	24220107	Mai Nguyễn Minh Thơ	8,22	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
283	24220113	Nguyễn Dạ Hoài Thương	8,31	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
284	24220130	Bùi Hữu Vinh	8,41	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
285	24230023	Lê Đức Anh Tuấn	8,8	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Kỹ thuật hạt nhân
286	24230034	Lê Hồ Gia Khang	8,69	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Kỹ thuật hạt nhân
287	24250005	Đoàn Trung Hiếu	8,85	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
288	24250009	Đào Nguyễn Ngân Khánh	8,8	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
289	24250011	Đỗ Tú Nghi	8,87	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
290	24250034	Nguyễn Võ Thành Danh	9,02	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
291	24250110	Võ Minh Triết	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Công nghệ vật liệu
292	24260025	Trần Gia Hào	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.360.000	5	16.800.000	Vật lý Y khoa
293	24260034	Nguyễn Văn Anh Khôi	8,69	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.080.000	5	15.400.000	Vật lý Y khoa
294	24260051	Đặng Diễm Quỳnh	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.080.000	5	15.400.000	Vật lý Y khoa
295	24270006	Lâm Bá Khang	8,05	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Kỹ thuật địa chất
296	24280038	Nguyễn Đăng Nhân	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24- 25)	XL HT (HK1/24- 25)	XL ĐRL (HK1/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
297	24280046	Võ Quỳnh Ý	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
298	24280059	Đặng Đức Duy	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
299	24280080	Nguyễn Diệu Lê	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Khoa học dữ liệu
300	24290007	Nguyễn Trọng Khoa	8,32	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
301	24290008	Lý Xuân Mai	8,83	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
302	24290051	Phạm Minh Kha	8,46	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
303	24290052	Nguyễn Huỳnh Minh Khang	8,31	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
304	24290070	Đàm Vũ Hoàng Nguyên	8,29	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường